

Số: 16 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về việc xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng của tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 06 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng của tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về việc tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt) xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là lộ trình tuân thủ), bao gồm các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức tín dụng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2024;

b) Công ty con của tổ chức tín dụng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của chính tổ chức tín dụng đó phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2024;

c) Công ty con của tổ chức tín dụng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc thực hiện lộ trình tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng theo phương án chuyển giao bắt buộc.

Điều 2. Thời điểm chốt số liệu để xác định các danh sách nhằm xây dựng lộ trình tuân thủ

Thời điểm chốt số liệu để xác định các công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông, cổ đông lớn, thành viên góp vốn, các danh sách nhằm xây dựng lộ trình tuân thủ tại các điều 4, 5, 6 Thông tư này là đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Thời hạn lộ trình tuân thủ

Tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng xây dựng và thực hiện lộ trình tuân thủ để bảo đảm chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 4. Xây dựng lộ trình để tổ chức tín dụng tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm b khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng đề nghị cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng lập danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của mình gửi tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng rà soát, xác định các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng thuộc danh sách quy định tại khoản 1 Điều này mà tổ chức tín dụng đó đang góp vốn, mua cổ phần.

3. Tổ chức tín dụng phối hợp với cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này xây dựng lộ trình tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm b khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng. Lộ trình tuân thủ của tổ chức tín dụng phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Danh sách cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin:

Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân (hoặc số chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng), ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký thường trú, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú), ngày, tháng, năm sinh của cá nhân là người Việt Nam; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, nơi tạm trú tại Việt Nam, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký tạm trú) của cá nhân là người nước ngoài; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà cá nhân đang sở hữu tại tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với cá nhân đó.

Đối với tổ chức: Tên tổ chức, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên

vốn điều lệ mà tổ chức đang sở hữu tại tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với tổ chức đó.

b) Danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin: Tên tổ chức, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và mối quan hệ với cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà tổ chức tín dụng đang sở hữu tại từng doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với tổ chức đó;

c) Biện pháp áp dụng (tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó; hoặc cổ đông lớn, thành viên góp vốn giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại tổ chức tín dụng đó; hoặc các biện pháp khác) và các mốc thời gian thực hiện để tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần điểm b khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng gửi lộ trình tuân thủ tại khoản 3 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp để đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu tổ chức tín dụng chỉnh sửa, hoàn thiện lộ trình tuân thủ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, tổ chức tín dụng phải chỉnh sửa, hoàn thiện và gửi lộ trình tuân thủ đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan.

Điều 5. Xây dựng lộ trình của tổ chức tín dụng để công ty con của tổ chức tín dụng tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm a khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng lập danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của mình và gửi các công ty con của tổ chức tín dụng.

2. Công ty con của tổ chức tín dụng rà soát, xác định các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng thuộc danh sách quy định tại khoản 1 Điều này mà công ty con đang góp vốn, mua cổ phần và gửi tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức tín dụng phối hợp với công ty con của mình xây dựng lộ trình tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm a khoản 5 Điều

137 Luật Các tổ chức tín dụng. Lộ trình tuân thủ của tổ chức tín dụng phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Danh sách công ty con của tổ chức tín dụng có khoản góp vốn, mua cổ phần được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin: Tên tổ chức; số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà tổ chức tín dụng đang sở hữu tại từng công ty con (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với tổ chức tín dụng đó;

b) Danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin: Tên tổ chức, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà công ty con của tổ chức tín dụng đang sở hữu tại từng doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với công ty con của tổ chức tín dụng đó;

c) Biện pháp áp dụng (tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó; hoặc cổ đông, thành viên góp vốn giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại tổ chức tín dụng đó; tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại công ty con của tổ chức tín dụng hoặc các biện pháp khác) và các mốc thời gian thực hiện để tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm a khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng gửi lộ trình tuân thủ tại khoản 3 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp để đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu tổ chức tín dụng chỉnh sửa, hoàn thiện lộ trình tuân thủ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, tổ chức tín dụng phải chỉnh sửa, hoàn thiện và gửi lộ trình tuân thủ đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông, thành viên góp vốn liên quan.

Điều 6. Xây dựng lộ trình của tổ chức tín dụng để công ty con của tổ chức tín dụng tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm b khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng đề nghị cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng lập danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của mình gửi tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng yêu cầu các công ty con rà soát, xác định các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng thuộc danh sách quy định tại khoản 1 Điều này mà công ty con đang góp vốn, mua cổ phần.

3. Tổ chức tín dụng phối hợp với công ty con của mình, cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này xây dựng lộ trình tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm b khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng. Lộ trình tuân thủ của tổ chức tín dụng phải có tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Danh sách công ty con của tổ chức tín dụng có khoản góp vốn, mua cổ phần được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin: Tên tổ chức; số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà tổ chức tín dụng đang sở hữu tại từng công ty con (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với tổ chức tín dụng đó;

b) Danh sách cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin:

Đối với cá nhân: Họ và tên; số định danh cá nhân (hoặc số chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng), ngày cấp, nơi cấp, nơi đăng ký thường trú, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú), ngày, tháng, năm sinh của cá nhân là người Việt Nam; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, nơi tạm trú tại Việt Nam, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký tạm trú) của cá nhân là người nước ngoài; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà cá nhân đang sở hữu tại tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với cá nhân đó.

Đối với tổ chức: Tên tổ chức, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà tổ chức đang sở hữu tại tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với tổ chức đó.

c) Danh sách doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này, bao gồm các thông tin: Tên tổ chức, số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp, nơi cấp, mã số doanh

nghiệp, địa chỉ trụ sở chính; thông tin về số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp trên vốn điều lệ mà công ty con của tổ chức tín dụng đang sở hữu tại từng doanh nghiệp, tổ chức tín dụng (bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên); tên tổ chức, cá nhân nhận ủy quyền, ủy thác và mối quan hệ với công ty con của tổ chức tín dụng đó;

d) Biện pháp áp dụng (tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng đó; hoặc cổ đông, thành viên góp vốn giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại tổ chức tín dụng đó; tổ chức tín dụng giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tại công ty con của tổ chức tín dụng hoặc các biện pháp khác) và các mốc thời gian thực hiện để tuân thủ các quy định về giới hạn góp vốn, mua cổ phần tại điểm a khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng gửi lộ trình tuân thủ tại khoản 3 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan đến các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được xác định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp để đảm bảo an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu tổ chức tín dụng chỉnh sửa, hoàn thiện lộ trình tuân thủ. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, tổ chức tín dụng phải chỉnh sửa, hoàn thiện và gửi lộ trình tuân thủ đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông lớn, thành viên góp vốn liên quan.

Điều 7. Thực hiện lộ trình

1. Tổ chức tín dụng và tổ chức, cá nhân liên quan tại lộ trình tuân thủ có trách nhiệm thực hiện lộ trình tuân thủ đã gửi Ngân hàng Nhà nước quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong thời gian thực hiện lộ trình tuân thủ, trường hợp cần thiết, tổ chức tín dụng phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan điều chỉnh biện pháp áp dụng và lộ trình thực hiện nhưng phải đảm bảo thời hạn lộ trình tuân thủ tại Điều 3 Thông tư này. Tổ chức tín dụng gửi lộ trình tuân thủ được điều chỉnh trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông, cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng liên quan.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo dõi, giám sát việc thực hiện lộ trình tuân thủ của tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp công ty con của tổ chức tín dụng không thực hiện đúng theo lộ trình tuân thủ, tổ chức tín dụng phải thực hiện giảm tỷ lệ vốn góp, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần nắm giữ tại công ty con hoặc các biện pháp khác để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Trường hợp tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng không thực hiện đúng theo lộ trình tuân thủ, tùy theo tính chất, mức độ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Khi hết thời hạn thực hiện lộ trình mà tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng chưa tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng, công ty con của tổ chức tín dụng phải tạm ngừng hoạt động góp vốn, mua cổ phần mới cho đến khi tuân thủ.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng

1. Xây dựng và thực hiện lộ trình tuân thủ của tổ chức tín dụng; thông qua quyền cổ đông, thành viên góp vốn của mình đề yêu cầu, đôn đốc, phối hợp với công ty con của tổ chức tín dụng xây dựng và thực hiện lộ trình; đôn đốc, phối hợp với cổ đông, cổ đông lớn và người có liên quan xây dựng và thực hiện lộ trình tuân thủ.

2. Thực hiện báo cáo định kỳ bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện lộ trình của quý trước theo Mẫu báo cáo tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo là chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo (kỳ báo cáo đầu tiên là báo cáo Quý I năm 2025).

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của công ty con của tổ chức tín dụng, cổ đông, cổ đông lớn, thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng

1. Phối hợp với tổ chức tín dụng để xây dựng lộ trình tuân thủ; thực hiện lộ trình đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Báo cáo tình hình thực hiện lộ trình tuân thủ (trong đó nêu rõ các khó khăn, vướng mắc, đề xuất xử lý) theo yêu cầu của tổ chức tín dụng để tổng hợp, báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin cung cấp cho tổ chức tín dụng.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1: 0000 1/5

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Tổ chức tín dụng, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024. ✓

Nơi nhận:

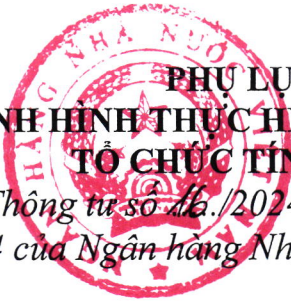
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Các đơn vị thuộc NHNN;
- Tổ chức tín dụng;
- Lưu: VP, TTGSNH6, PC (03 bản). ✓

**TS. THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn

1 2 1 2



PHỤ LỤC
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LỘ TRÌNH TUÂN THỦ CỦA
TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 46./2024/TT-NHNN ngày 28. tháng 6. năm 2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện lộ trình tuân thủ theo quy định tại Thông tư số
...../2024/TT-NHNN của tổ chức tín dụng ...
Quý ... Năm

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- I. Danh sách khoản góp vốn, mua cổ phần phải áp dụng biện pháp để bảo đảm tuân thủ khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng
- II. Tình hình thực hiện; kết quả đạt được
- III. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân (nếu có)
- IV. Đề xuất, kiến nghị, đề xuất (nếu có)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)